

# HOẠT ĐỘNG SU PHẠM: NHÌN TỪ GÓC ĐỘ LÝ THUYẾT TRÍ TUỆ CẢM XÚC

TS. Dương Thị Hoàng Yến  
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Theo B.Ph Lômôv, có thể xét các chức năng của hoạt động sư phạm (HĐSP) gồm truyền đạt thông tin, điều chỉnh hành vi và xúc cảm. Xúc cảm, ở đây bao gồm cả xúc cảm của giáo viên (GV) và của học sinh (HS), được tạo nên với tư cách là *cái phong* đề quá trình truyền đạt thông tin và điều chỉnh hành vi được diễn ra. Tất nhiên cũng cần lưu ý rằng, *kết quả của HĐSP không chỉ phụ thuộc vào nhân cách người GV mà còn phụ thuộc vào chủ thể HS*. Còn các tác giả A.A Leonchiev, A.A Bogaliov, A.V Petrovski... trong các nghiên cứu về HĐSP đã cùng đi đến khẳng định *chức năng tốt mối quan hệ qua lại với trẻ đảm bảo hiệu quả của hoạt động dạy học và giáo dục* [6]. Bởi vì, tất cả những tri thức, kỹ năng hành động được HS tiếp thu, trên cơ sở đó HS có những sáng tạo, đều thông qua một hệ thống các mối quan hệ thầy - trò trực tiếp, sống động trong một bầu không khí tâm lý thuận lợi.

Vì vậy, HĐSP đòi hỏi GV phải có năng lực và phẩm chất để hình thành được nền tảng xúc cảm tích cực trong lớp học, trong nhà trường. Quan điểm này đã gắn với lý thuyết Trí tuệ cảm xúc (Emotional Intelligence -EI).

Lý thuyết EI được chính thức công bố vào năm 1990 bởi hai nhà tâm lý học Peter Salovey (Đại học Yale, Mỹ) và John Mayer (Đại học Newhampshire, Mỹ). Các

nghiên cứu về EI cho thấy những cá nhân có EI phát triển cao thường đặc biệt thành công trong những lĩnh vực nhất định như nhận thức và đánh giá chính xác xúc cảm của bản thân, biểu lộ tình cảm, xúc cảm với những người khác một cách đúng đắn, phù hợp, nhận biết tốt về xúc cảm của người khác và từ đó có những hành vi xã hội phù hợp, điều chỉnh xúc cảm của bản thân và người khác một cách có hiệu quả để đạt đến mục đích hành động cụ thể và sử dụng những xúc cảm của mình để giải quyết vấn đề bằng những hành vi phù hợp với hoàn cảnh.

Có thể định nghĩa: *"Trí tuệ cảm xúc là năng lực nhận thức chính xác, đánh giá và bộc lộ xúc cảm; năng lực tiếp cận và/hoặc tạo ra xúc cảm khi những xúc cảm này tạo điều kiện thúc đẩy tư duy; năng lực hiểu xúc cảm và có kiến thức về xúc cảm; và năng lực điều chỉnh những xúc cảm để đẩy nhanh sự phát triển về xúc cảm và trí tuệ"* (J. Mayer và P. Salovey, 1997).

Trong mô hình EI này (được các tác giả gọi là EI 97), EI được định nghĩa như một tổ hợp những năng lực cảm xúc có thể chia thành bốn loại hay bốn nhánh theo cách gọi của họ. Bốn loại năng lực trí tuệ cảm xúc này được trải ra từ năng lực cơ bản đến năng lực cấp cao cao, gồm:

(1) *Nhận thức, đánh giá và biểu hiện xúc cảm* bao gồm 4 năng lực thành phần trải ra từ

năng lực nhận biết xúc cảm của bản thân đến năng lực phân biệt các xúc cảm, chẳng hạn như nhận biết chính xác những biểu hiện trung thực và thiếu trung thực trong xúc cảm của học sinh ở một tình huống sư phạm cụ thể. Các quá trình thu nhận thông tin cơ bản này là điều kiện tiên quyết cần thiết cho quá trình hình thành thông tin xúc cảm sau này để giải quyết các vấn đề.

(2) *Tạo điều kiện xúc cảm cho sự nghĩ* gồm các năng lực sử dụng xúc cảm để nâng cao lập luận và đặt ra những trường hợp xúc cảm khác nhau, từ đó có cách tiếp cận đa diện vấn đề cần giải quyết liên quan đến xúc cảm của bản thân và người khác. Đó là những năng lực hướng sự quan tâm chủ ý đến các thông tin quan trọng và các tâm trạng khác nhau, tạo điều kiện dễ dàng để hình thành những lập luận khác nhau (ví dụ: biết tạo lập hay duy trì một xúc cảm tích cực để tạo điều kiện thuận lợi cho sự sáng tạo trong thiết kế một bài giảng của người giáo viên).

(3) *Hiểu và phân tích xúc cảm, sử dụng những tri thức xúc cảm* bao hàm việc hình thành nhận thức về xúc cảm, gồm 4 năng lực thành phần tiêu biểu, trong đó có năng lực hiểu một cách trừu tượng và suy luận về xúc cảm. Những thành tố này trải ra từ năng lực xác định xúc cảm và nhận ra mối quan hệ giữa lời nói/lời nhận xét và xúc cảm, đến năng

lực nhận biết sự chuyển biến xúc cảm có thể xảy ra. Như, một GV cần hiểu xúc cảm của HS có thể chuyển từ xấu hổ sang giận dữ hay hối hận và họ nên có những tác động gì để chuyển sự phát triển của xúc cảm này theo hướng tích cực hơn.

(4) *Điều chỉnh xúc cảm một cách có suy nghĩ nhằm tăng cường sự phát triển xúc cảm và trí tuệ* liên quan đến năng lực kiểm soát xúc cảm bản thân và xúc cảm của người khác để tăng cường sự phát triển trí tuệ và xúc cảm. Năng lực này bao gồm những kỹ năng cao nhất, sắp xếp từ năng lực để xúc cảm phát triển tự phát - cả xúc cảm tích cực và tiêu cực - đến năng lực kiểm soát xúc cảm của bản thân và người khác bằng cách tăng cường những xúc cảm tích cực và điều hòa những xúc cảm tiêu cực. Như một GV có EI cao là người biết cách giúp cho cha mẹ tin tưởng vào trẻ, định hướng cho cha mẹ vào những hành vi tích cực như gần gũi, thân thiết, hỗ trợ con cái khi trẻ gặp khó khăn trong học tập cũng như giao tiếp với bạn bè. Năng lực cơ bản quan trọng nhất này của EI 97 bao gồm nhiều nhân tố như động cơ, xúc cảm và nhận thức, mà chúng cần phải được nhận biết và cân bằng nhằm kiểm soát xúc cảm một cách thành công (J.Mayer, 2001; J.Mayer và cộng sự, 2001). [4]

Vi vậy, EI được xem là một trong các thành tố của trí tuệ con người, là nhân tố dự đoán tốt cho sự thành công hay thất bại trong phạm vi một công việc, một nghề nghiệp cụ thể có tính xã hội và đóng góp vào việc giải quyết những vấn đề của thực tiễn văn hóa - xã

hội (Goleman, 1995; K.Law, C.Wong và cộng sự, 2005; J.Mayer và cộng sự, 2006).

Với tư cách là một lĩnh vực nghề nghiệp mang tính xã hội đặc biệt, hoạt động sư phạm có thể và cần được xem xét dưới góc độ EI. Bản thân hoạt động sư phạm đặt ra những yêu cầu về mặt nhân cách cho GV, và một trong những yêu cầu đó là coi EI là một năng lực sư phạm nhằm đảm bảo cho quá trình truyền đạt thông tin của GV, hoạt động nhận thức và quá trình phát triển nhân cách của trẻ sẽ đạt hiệu quả.

Về năng lực sư phạm trong nhân cách GV, với tư cách là chủ thể của HĐSP, đã được các tác giả, tổ chức giáo dục nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, có thể nhận thấy trong những yêu cầu đó, yêu cầu về biểu hiện năng lực EI đều được đề cập đến, như:

Tác giả Phạm Minh Hạc (1995) đã đưa ra mô hình cấu trúc nhân cách GV gồm 4 *tiêu cấu trúc*: Thế giới quan khoa học, niềm tin, lương tâm, bộ mặt đạo đức và trình độ văn hóa chung cao; Thái độ tích cực đối với hoạt động sư phạm; Năng lực sư phạm; Tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp. Trong nhóm năng lực sư phạm, tác giả có đề xuất một số yêu cầu như Năng lực thuộc về nhân cách (lòng yêu trẻ, năng lực kiểm chế và tự chủ, năng lực điều khiển được các trạng thái tâm lý, tâm trạng của mình), Năng lực tổ chức (óc quan sát sư phạm, sự khéo léo sư phạm, năng lực ám thị, óc tưởng tượng sư phạm, lòng lạc quan sư phạm...). [2]

Richard D.Kellough & Patricia L.Robberts (Mỹ, 1998) đã đưa ra 22 *năng lực*

*đặc biệt* cần phải có ở người GVTH như: hoạt động hiệu quả như một người lãnh đạo; phải là “một cầu nối giáo dục”; hình thành và duy trì, nuôi dưỡng mối quan hệ nghề nghiệp một cách thân thiện và hợp đạo lý... [3].

Bộ Giáo dục Bang Bristish Columbia, Canada (2007) đã đề ra 13 *tiêu chí về năng lực và quy tắc đạo đức chuyên ngành* của người làm công tác giáo dục: phải coi trọng và quan tâm đến tất cả trẻ em, luôn hành động vì quyền lợi của trẻ; phải biết hành động như nhà lãnh đạo trong khuôn khổ giáo dục có đạo đức; phải có khả năng thực hành nghiệp vụ giảng dạy hiệu quả... [5]

Như vậy, GV muốn đạt hiệu quả trong hoạt động sư phạm thì phải lưu ý hơn tới phạm vi ảnh hưởng rộng lớn của những quá trình xúc cảm của bản thân và của trẻ tới quá trình thiết kế hoạt động dạy học và giáo dục của mình, tới kết quả hoạt động nhận thức và quá trình phát triển nhân cách của trẻ, tới việc xây dựng môi trường học tập thân thiện, tức là tới toàn bộ hoạt động sư phạm. Xét về bản chất, những năng lực có liên quan đến và chứa đựng những nội dung của EI.

Từ phân tích trên, dưới góc độ nghiên cứu EI, có thể đề xuất một mô hình năng lực EI của giáo viên gồm 4 thành tố:

(1) *Năng lực nhận thức, đánh giá và biểu hiện xúc cảm:*

- Năng lực nhận biết chính xác những biểu hiện xúc cảm và những đặc điểm nhân cách của HS.

- Năng lực thể hiện được xúc cảm của bản thân trong những tình huống sư phạm.

- Năng lực hiểu và đồng

cảm với những khó khăn trong tâm lý của HS.

(2) *Năng lực sử dụng xúc cảm để tạo điều kiện thúc đẩy tư duy:*

- Năng lực tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động học tập của HS và môi trường làm việc của bản thân và đồng nghiệp.

- Năng lực sử dụng các tác động sư phạm một cách nhạy bén và tinh tế.

- Năng lực xem xét sự việc một cách đa chiều, phù hợp với đặc điểm của HS, cha mẹ HS và đồng nghiệp.

- Năng lực giải quyết tình huống sư phạm một cách kịp thời, vì sự phát triển của HS, trong khuôn khổ đạo lý.

(3) *Năng lực sử dụng tri thức về xúc cảm để hiểu và phân tích xúc cảm:*

- Năng lực sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hợp lý, có hiệu quả.

- Năng lực nhận biết được sự chuyên đòi xúc cảm có thể xảy ra của HS, cha mẹ HS và đồng nghiệp để có cách giải quyết phù hợp.

- Năng lực sử dụng tri thức để thấu hiểu được xúc cảm phức hợp của các đối tượng giao tiếp sư phạm.

(4) *Năng lực quản lý xúc cảm một cách có suy nghĩ:*

- Năng lực tổ chức và cổ vũ sự phát triển của HS trong cách suy nghĩ sáng tạo, giải quyết vấn đề, và các kỹ năng thực hành.

- Năng lực thúc đẩy mối quan hệ với những đồng nghiệp, cha mẹ HS, cơ quan trong cộng đồng lớn hơn một cách thân thiện và hợp đạo lý để nhận được sự ủng hộ cho việc học tập và hạnh phúc của HS.

- Năng lực làm chủ xúc

cảm của bản thân.

Các kết quả nghiên cứu về EI còn chỉ rõ, khác với trí thông minh nhận thức, EI có thể được nâng cao qua luyện tập theo sự hướng dẫn của các nhà chuyên môn (J.Mayer, P.Salovey). Ở Mỹ, các chương trình phát triển EI cho giáo viên nói chung thường được tổ chức đào tạo trong nhiều tuần và đã thu được kết quả khả quan. Tuy nhiên, không phải những chương trình đào tạo này được các GV chào đón nhiệt liệt ngay từ đầu mà nó chỉ được thừa nhận khi giáo viên nhận thấy có hiệu quả. Ví dụ như khi các GV ở trường New Haven biết rằng họ sắp dự một khóa đào tạo phát triển EI, có 31% đã tuyên bố họ làm một cách miễn cưỡng. Nhưng một năm sau đó, 90% những GV này khẳng định những buổi học ấy làm họ thích thú và mong muốn lại được học trong năm sau. [1]

Đã đến lúc các nhà khoa học cần nghiên cứu các chương trình giáo dục EI của Mỹ và các nước phát triển, đánh giá những thành công và hạn chế của các chương trình này và khả năng phát triển các kiểu chương trình này ở Việt Nam. Những nghiên cứu này mở ra một con đường trong công tác đào tạo, bồi dưỡng GV ở Việt Nam, đó là cần xây dựng một chương trình giáo dục EI cho GV và đưa chương trình này vào giảng dạy ở trường sư phạm, vào chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho GV nhằm cung cấp kiến thức cơ bản nhất cho GV về loại trí tuệ này, hướng dẫn họ rèn luyện để nâng cao EI cho bản thân và bồi dưỡng cho họ có kỹ năng sử dụng EI vào công việc, với tư cách là một yêu

cầu của hoạt động sư phạm.

### Tài liệu tham khảo

1. Daniel Goleman (2002), *Trí tuệ cảm xúc: Làm thế nào để những xúc cảm của mình thành trí tuệ?* (Lê Diên), NXB Khoa học Xã hội-Nhân văn, Hà Nội.
2. Phạm Minh Hạc (chủ biên) (1995), *Tâm lý học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Dương Thị Hoàng Yến (2010), *Trí tuệ cảm xúc của giáo viên tiểu học*, Luận án tiến sỹ.
4. Richard D.Kellough & Patricia L.Robberts (1998), *A Resource Guide for Elementary School Teaching - Planning for Competence*, 4<sup>th</sup> Edition, Prince-Hall.
5. Schulze Ralf, Roberts D.Richard (EDS) (2005), *Emotional Intelligence, An International Handbook*, Hogrefe & Huber Publishers, Germany.
6. *Standards for the Education, Competence, and Professional Conduct of Educators in British Columbia* (2007), Canada.
7. Кан Каптя (1987), *Giao tiếp sư phạm*, Dành cho GV (Đào Thị Oanh dịch), Tài liệu nội bộ.

### Summary

Pedagogical activities require teachers to have the capacity and qualities to take shape a positive emotion basis at classroom and school. This viewpoint concurs with the theory of emotional intelligence (Emotional Intelligence - EI). The application of EI theory in student and teacher training is a trend in the world and Vietnam should consider this approach.